

## **Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu**

**Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011  
kèm theo Báo cáo Soát xét của Kiểm toán viên Độc lập  
và Báo cáo của Ban Giám đốc**

# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

## Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Soát xét của Kiểm toán viên Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất	4
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ hợp nhất	7
Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất	9

# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày.

## 1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Những người sau đây là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này:

### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lâm Thiếu Quân	Chủ tịch	28 tháng 3 năm 2008
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008
Ông Tạ Huy Phong	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008
Ông Hsun Tony Cau Fong	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010
Ông Nguyễn Hữu Lam	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010

### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trịnh Thị Thủy Liễu	Trưởng ban	9 tháng 4 năm 2010	-
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	15 tháng 4 năm 2011	-
Bà Võ Phước Thụy An	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010	15 tháng 4 năm 2011
Ông Mai Minh Tân	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010	-

### Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Tổng Giám đốc	13 tháng 7 năm 2009	-
Ông Tạ Huy Phong	Giám đốc điều hành	1 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Tâm Trí	Phó Giám đốc	1 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Giám đốc	1 tháng 6 năm 2011	-
Ông Trương Thái Quảng	Phó Giám đốc	1 tháng 6 năm 2011	-
Ông Vĩnh Nhi	Phó Giám đốc	1 tháng 4 năm 2008	2 tháng 5 năm 2011
Bà La Thị Hạnh Thảo	Giám đốc tài chính	17 tháng 6 năm 2010	16 tháng 6 năm 2011

## 2. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, tùy thuộc những khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong việc lập các báo cáo tài chính phù hợp nhằm giảm thiểu các sai sót và gian lận.



# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.



Thay mặt Ban Giám đốc,

*Nguyễn Hữu Dũng*  
NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2011

## BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Số: 116-21-11

**Gửi các Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu**

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, và các báo cáo hợp nhất liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (“các báo cáo tài chính hợp nhất”) như được trình bày từ trang 4 đến trang 28.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về các báo cáo tài chính này dựa vào công việc soát xét của chúng tôi. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần được nêu trong báo cáo kiểm toán ngày 23 tháng 3 năm 2011.

### Cơ sở soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do đó cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán, và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận

Dựa trên công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy bất kỳ vấn đề đáng chú ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.



**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn NEXIA ACPA**  
Số Đăng ký Kinh doanh: 0102012231

**NGUY QUỐC TUẤN**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0253/KTV  
Phó Tổng Giám đốc

*Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*  
*Ngày 12 tháng 8 năm 2011*

**NGUYỄN MẠNH TUẤN**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0817/KTV  
Kiểm toán viên



## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>110.034.633.456</b>	<b>128.096.442.005</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.652.913.786</b>	<b>13.539.625.047</b>
Tiền	111		4.652.913.786	9.539.625.047
Các khoản tương đương tiền	112		-	4.000.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.579.113.200</b>	<b>8.579.500.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121	6	2.579.113.200	8.579.500.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>71.572.707.292</b>	<b>78.495.112.011</b>
Phải thu khách hàng	131	32	51.738.491.569	71.070.757.554
Trả trước cho người bán	132		8.722.648.410	2.173.671.553
Phải thu khác	135	7;32	11.921.667.836	6.310.131.112
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	8	(810.100.523)	(1.059.448.208)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>25.510.430.920</b>	<b>21.335.324.461</b>
Hàng tồn kho	141		26.800.455.995	22.625.349.536
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.290.025.075)	(1.290.025.075)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.719.468.258</b>	<b>6.146.880.486</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.092.224.009	2.331.556.125
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		45.675.086	1.181.257.768
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		680.998	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	11	3.580.888.165	2.634.066.593
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>73.792.264.320</b>	<b>70.755.491.095</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.524.719.914</b>	<b>2.552.660.457</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.111.205.311	1.316.211.594
- Nguyên giá	222		4.476.718.418	4.499.607.474
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.365.513.107)	(3.183.395.880)
Tài sản vô hình	227	13	84.094.110	102.375.444
- Nguyên giá	228		109.688.000	109.688.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.593.890)	(7.312.556)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	1.329.420.493	1.134.073.419
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>15</b>	<b>18.111.480.582</b>	<b>21.234.353.401</b>
- Nguyên giá	241		37.610.721.533	37.583.618.667
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(19.499.240.951)	(16.349.265.266)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>46.470.866.414</b>	<b>43.253.034.580</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	38.647.946.316	36.342.527.936
Đầu tư dài hạn khác	258	17	7.822.920.098	6.910.506.644
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.394.794.681</b>	<b>3.715.442.657</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		747.340.138	873.935.484
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	30	60.237.296	210.035.294
Tài sản dài hạn khác	268	19	2.587.217.247	2.631.471.879
<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>18</b>	<b>3.290.402.729</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>183.826.897.776</b>	<b>198.851.933.100</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.



# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>43.368.792.971</b>	<b>59.653.161.884</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>40.574.914.130</b>	<b>52.348.304.960</b>
Vay ngắn hạn	311	20	5.939.722.316	6.405.641.725
Phải trả người bán	312	32	18.584.360.454	26.356.623.640
Người mua trả tiền trước	313		2.450.100.492	2.038.343.569
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	21	5.204.145.920	8.165.485.350
Phải trả người lao động	315		330.000.000	1.827.522.060
Chi phí phải trả	316	22	2.186.091.401	1.588.073.973
Phải trả khác	319	23;32	1.542.890.734	1.520.807.480
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		2.829.958.213	3.033.158.949
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.507.644.600	1.412.648.214
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.793.878.841</b>	<b>7.304.856.924</b>
Doanh thu chưa thực hiện	338		2.142.000.391	6.589.332.710
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		651.878.450	715.524.214
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>131.877.596.084</b>	<b>131.330.316.903</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>131.877.596.084</b>	<b>131.330.316.903</b>
Vốn cổ phần	411		92.364.460.000	92.364.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.083.358.132	6.083.358.132
Cổ phiếu quỹ	414		(286.125.132)	(225.341.132)
Quỹ đầu tư phát triển	417		237.615.549	237.615.549
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.241.456.022	4.241.456.022
Lợi nhuận chưa phân phối	420		29.236.831.513	28.628.768.332
<b>LỢI ÍCH CŨ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>25</b>	<b>8.580.508.721</b>	<b>7.868.454.313</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>183.826.897.776</b>	<b>198.851.933.100</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:

PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 12 tháng 8 năm 2011



Người phê duyệt:

NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc

# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng	Cho kỳ sáu tháng
			30 tháng 6 năm 2011	30 tháng 6 năm 2010
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		84.482.220.075	81.084.737.887
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(8.736.000)	(5.389.405)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	26	84.473.484.075	81.079.348.482
Giá vốn hàng bán	11	27;33	(55.639.402.573)	(50.348.818.578)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.834.081.502	30.730.529.904
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	1.635.371.327	1.072.661.602
Chi phí tài chính	22	29	(920.601.829)	(1.746.734.029)
Chi phí bán hàng	24	33	(7.480.724.917)	(7.726.957.478)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	33	(3.813.521.114)	(4.002.756.618)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.254.604.969	18.326.743.381
Thu nhập khác	31		56.097.224	78.012.692
Chi phí khác	32		(53.218.617)	(21.614.452)
Lợi nhuận hoạt động khác	40		2.878.607	56.398.240
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết	45	16	2.401.477.479	2.030.013.230
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.658.961.055	20.413.154.851
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	(3.685.091.299)	4.131.264.729
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	(149.797.998)	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>16.824.071.758</b>	<b>16.281.890.122</b>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông thiểu số	61	25	1.496.817.478	582.257.834
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	62	24	15.327.254.280	15.699.632.288
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>31</b>	<b>1.663</b>	<b>1.764</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:



PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 12 tháng 8 năm 2011



Người phê duyệt:

NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc



## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng	Cho kỳ sáu tháng
			kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		20.658.961.055	20.413.154.851
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao	02		3.520.878.057	3.368.927.879
Các khoản dự phòng	03		(249.347.685)	207.203.545
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(24.957.516)	(168.264.152)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.226.855.652)	(2.746.403.551)
Chi phí lãi vay	06		408.296.957	840.794.772
<hr/>				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08		21.086.975.216	21.915.413.344
Giảm các khoản phải thu	09		9.843.102.129	40.374.054.234
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(4.175.106.459)	4.897.097.191
Giảm các khoản phải trả và chi phí phải trả	11		(17.193.487.468)	(11.883.212.468)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12		365.927.462	(305.414.424)
Tiền lãi vay đã trả	13		(440.231.894)	(835.289.787)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.739.316.794)	(3.108.987.103)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		44.254.632	2.543.392.929
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(514.742.462)	(10.544.042.388)
<hr/>				
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động kinh doanh	20		3.277.374.362	43.053.011.528
<hr/>				
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(285.695.394)	(385.503.329)
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.029.113.200)	(28.517.094.600)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15.836.276.941	20.568.514.590
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.719.190.395)	(939.295.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		865.271.132	599.845.107
Tiền chi thuần để mua công ty con	28		(2.695.887.298)	-
<hr/>				
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ/(sử dụng cho) hoạt động đầu tư	30		2.971.661.786	(8.673.533.232)
<hr/>				
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(60.784.000)	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		7.124.338.316	13.380.245.868
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn và dài hạn	34		(7.590.257.725)	(32.833.447.940)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.609.044.000)	(6.358.475.000)
<hr/>				
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động tài chính	40		(15.135.747.409)	(25.811.677.072)

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
(GIẢM)/TĂNG TIỀN THUẬN TRONG KỶ	50		(8.886.711.261)	8.567.801.224
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60	5	13.539.625.047	3.775.873.868
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(400.624)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>4.652.913.786</b>	<b>12.343.274.468</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:



PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Người phê duyệt:



NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc



# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (trước đây là Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Toàn Cầu) ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 045928 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 11 năm 1996. Sau đó, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301446863 (trước đây là số 4103004205) ngày 28 tháng 12 năm 2005, Công ty đã chuyển loại hình doanh nghiệp từ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn thành Công ty Cổ phần. Ngoài ra, Công ty còn nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh để tăng vốn cổ phần và mở rộng hoạt động kinh doanh.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và lợi ích của Tập đoàn trong Công ty liên kết.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 5, Tòa nhà Waseco, Số 10 Phổ Quang, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông.

Vốn điều lệ được phê duyệt của Công ty là 92.364.460.000 VNĐ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có ba công ty con và một công ty liên kết:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ</u>
Công ty TNHH Liên doanh Global – Sitem	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết bị điện.	51%
Công ty TNHH một thành viên sản xuất kỹ thuật điện Toàn Cầu	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông.	100%
Công ty cổ phần Inno	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông	99,8%

  

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ</u>
Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Toàn Cầu	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông	41%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty và các công ty con có 120 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 193 nhân viên).

## 2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này:

### 2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.



# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán phổ biến ở các quốc gia và các thể chế khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tập đoàn áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong kỳ và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

## 2.2. Cơ sở hợp nhất

### Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hay gián tiếp, điều hành các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

### Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

### Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với tài khoản vốn của công ty được đầu tư được loại trừ với khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

## 2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

## 2.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ VNĐ trên báo cáo của Tập đoàn phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản mục tài sản và nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chưa thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 2.5. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành khác tại Việt Nam đòi hỏi Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 2.6. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có độ thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ để đáp ứng các khoản cam kết thanh toán ngắn hạn mà không phải cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### 2.7. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

Đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, dự phòng được tính toán như sau theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009:

Khoản mục	Tình trạng quá hạn của khoản nợ	Tỷ lệ dự phòng
1	Quá hạn dưới 1 năm	30%
2	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	50%
3	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	70%
4	Quá hạn trên 3 năm	100%

### 2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá; kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với vật tư thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### 2.9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.



# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

## Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cho từng khoản mục của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Máy móc và thiết bị	2 - 5
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị khác	2 - 6

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

### 2.10. Tài sản cố định vô hình

#### Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này là một bộ phận tách rời với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

### 2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng trạm thu phát sóng chưa được hoàn toàn hoàn thành và được thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

### 2.12. Bất động sản đầu tư

#### Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua của tài sản và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư.

#### Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của bất động sản đầu tư. Ước tính thời gian sử dụng hữu ích như sau:

	<u>Năm</u>
Trạm thu phát sóng	5 - 6



## **Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### **2.13. Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

### **2.14. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại các công ty con. Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại xác định bằng khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và các nghĩa vụ nợ có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Khoản chênh lệch có giá trị âm (bất lợi thương mại) được ghi nhận trực tiếp vào lãi hoặc lỗ. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

### **2.15. Các khoản phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **2.16. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tập đoàn được ước tính bằng 0,35% đến 5% doanh thu. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **2.17. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ. Quỹ này được trích lập bằng 2% thu nhập chịu thuế và được hạch toán vào chi phí.

### **2.18. Doanh thu**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

#### **Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

#### **Thu nhập cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

### **2.19. Thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Những ưu đãi thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuê.



## **Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### **2.20. Chi phí vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.

### **2.21. Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và phần suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Phần suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

### **2.22. Báo cáo bộ phận**

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của tập đoàn là dựa theo bộ phận theo khu vực địa lý.

### **2.23. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thuế thu nhập phải nộp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập phải nộp hiện hành được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Thu nhập chịu thuế có thể có sự khác biệt so với lợi nhuận báo cáo trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do thu nhập chịu thuế có thể không bao gồm các khoản thu nhập và chi phí đã nộp thuế hoặc đã khấu trừ trong các năm trước và có thể không bao gồm những khoản thu nhập hoặc chi phí không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả chỉ được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp có liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 2.24. Các bên liên quan

Các bên liên quan của tập đoàn bao gồm nhà đầu tư của Công ty, các công ty con và các công ty liên kết của nhà đầu tư.

## 2.25. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Tập đoàn sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

## 2.26. Các sự kiện không chắc chắn

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được phản ánh trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi để mang lại lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được trình bày khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

## 2.27. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Tập đoàn tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất nếu trọng yếu.

## 2.28. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

## 3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo khu vực địa lý của Tập đoàn.

Kết quả của bộ phận bao gồm các mục được phân bổ trực tiếp tới một bộ phận hoặc nhiều bộ phận dựa trên một cơ sở hợp lý. Những mục khác không được phân bổ tới các bộ phận bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập tài chính và chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý, thu nhập khác và chi phí khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

### Các khu vực địa lý

	Khu vực phía Bắc		Khu vực miền Trung		Khu vực phía Nam		Hợp nhất	
	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Doanh thu bên ngoài	30.113.936.192	37.892.835.421	2.012.127.957	3.103.323.583	52.356.155.926	40.083.189.478	84.482.220.075	81.084.737.887
Giá vốn hàng bán	(26.393.256.785)	(26.584.292.064)	(1.195.676.695)	(1.801.598.344)	(28.050.469.093)	(21.962.928.170)	(55.639.402.573)	(50.348.818.578)
<b>Lãi gộp</b>	<b>3.720.679.407</b>	<b>11.308.543.357</b>	<b>816.451.262</b>	<b>1.301.725.239</b>	<b>24.305.686.833</b>	<b>18.120.261.308</b>	<b>28.834.081.502</b>	<b>30.730.529.904</b>

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 4. Hợp nhất kinh doanh

Vào ngày 24 tháng 1 năm 2011, Công ty mua lại 99,8% vốn cổ phần của công ty cổ phần Inno tương đương với 2.994 triệu đồng. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty cổ phần Inno là mua bán và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông.

Hoạt động mua lại này đã có những ảnh hưởng đến tài sản và công nợ của Tập đoàn vào ngày mua lại như sau:

	Giá trị ghi sổ trước khi mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị được ghi nhận khi mua lại
Tiền và các khoản tương đương tiền	298.112.702	-	298.112.702
Trả trước nhà cung cấp	1.576.341.000	-	1.576.341.000
Tài sản ngắn hạn khác	432.079.110	-	432.079.110
Người mua trả tiền trước	(2.095.800.000)	-	(2.095.800.000)
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	(829.059)	-	(829.059)
Phải trả khác	(590.675.783)	-	(590.675.783)
<b>Giá trị tài sản thuần có thể xác định</b>	<b>(380.772.030)</b>	<b>-</b>	<b>(380.772.030)</b>
Giá trị hợp nhất kinh doanh			2.994.000.000
<b>Lợi thế thương mại tại ngày mua</b>			<b>3.374.772.030</b>
Tiền nhận được tại thời điểm mua			298.112.702
Tiền thuần chi ra cho việc mua lại			<b>2.695.887.298</b>

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Tiền mặt	744.473.519	134.564.968
Tiền gửi ngân hàng	3.908.440.267	9.405.060.079
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	4.000.000.000
	<b>4.652.913.786</b>	<b>13.539.625.047</b>

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm số ngoại tệ khác với VND như sau:

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Nguyên tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	40.680	3.238
- Euro ("EUR")	444	458



## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 6. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Khoản vay cung cấp cho công ty cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến với lãi suất 19,8% một năm	500.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngân hàng	2.079.113.200	-
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu với lãi suất 13% một năm	-	7.000.000.000
Khoản vay cung cấp cho Ông Phạm Khắc Tân và không tính lãi suất	-	1.579.500.000
	<b>2.579.113.200</b>	<b>8.579.500.000</b>

### 7. Các khoản phải thu khác

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Khoản vay cung cấp cho công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong – nhà đầu tư	10.867.152.800	5.716.000.000
Tạm ứng cho hoạt động của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Tín Thông – công ty liên quan	750.000.000	-
Phải thu lãi vay	176.557.041	216.450.000
Phải thu phí tiện ích	37.038.257	85.137.819
Phải thu khác	90.919.738	292.543.293
	<b>11.921.667.836</b>	<b>6.310.131.112</b>

### 8. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số dư đầu kỳ/năm	1.059.448.208	590.895.517
Dự phòng trong kỳ/năm	233.792.772	486.552.691
Hoàn nhập dự phòng	(483.140.457)	-
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>810.100.523</b>	<b>1.059.448.208</b>

### 9. Hàng tồn kho

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Nguyên vật liệu	4.005.587.834	4.508.319.384
Sản phẩm dở dang	11.297.138.101	10.052.824.651
Thành phẩm	662.354.300	394.270.523
Hàng hóa	10.835.375.760	7.669.934.978
	<b>26.800.455.995</b>	<b>22.625.349.536</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.290.025.075)	(1.290.025.075)
	<b>25.510.430.920</b>	<b>21.335.324.461</b>

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số dư đầu kỳ	1.290.025.075	447.024.882
Tăng trong kỳ	-	843.000.193
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.290.025.075</b>	<b>1.290.025.075</b>

### 10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Thuê đất cho trạm thu phát sóng	Thiết bị văn phòng	Công cụ và dụng cụ	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	2.051.907.816	241.512.531	38.135.778	2.331.556.125
Tăng trong kỳ	2.446.719.354	86.389.729	-	2.533.109.083
Phân bổ trong kỳ	(2.597.177.452)	(172.227.747)	(3.036.000)	(2.772.441.199)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.901.449.718</b>	<b>155.674.513</b>	<b>35.099.778</b>	<b>2.092.224.009</b>

### 11. Tài sản ngắn hạn khác

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Tạm ứng	1.501.460.299	1.748.308.246
Đặt cọc ngắn hạn	2.079.427.866	885.758.347
	<b>3.580.888.165</b>	<b>2.634.066.593</b>

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	594.050.123	2.639.315.755	1.266.241.596	4.499.607.474
Tăng trong kỳ	-	-	63.245.454	63.245.454
Thanh lý	-	-	(86.134.510)	(86.134.510)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>594.050.123</b>	<b>2.639.315.755</b>	<b>1.243.352.540</b>	<b>4.476.718.418</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	(526.034.943)	(1.829.531.927)	(827.829.010)	(3.183.395.880)
Hao mòn trong kỳ	(7.593.102)	(127.974.720)	(132.683.915)	(268.251.737)
Thanh lý	-	-	86.134.510	86.134.510
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(533.628.045)</b>	<b>(1.957.506.647)</b>	<b>(874.378.415)</b>	<b>(3.365.513.107)</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	68.015.180	809.783.828	438.412.586	1.316.211.594
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>60.422.078</b>	<b>681.809.108</b>	<b>368.974.125</b>	<b>1.111.205.311</b>

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 2.085 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (31 tháng 12 năm 2010: 2.060 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.



## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	109.688.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	(7.312.556)
Hao mòn trong kỳ	(18.281.334)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(25.593.890)</b>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	102.375.444
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>84.094.110</b>

### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số dư đầu kỳ/năm	1.133.908.265	448.512.551
Tăng trong kỳ/năm	195.512.228	1.180.811.242
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(495.320.374)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>1.329.420.493</b>	<b>1.134.073.419</b>

### 15. Bất động sản đầu tư

	Trạm thu phát sóng
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	37.583.618.667
Tăng trong kỳ	27.102.866
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>37.610.721.533</b>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	(16.349.265.266)
Hao mòn trong kỳ	(3.149.975.685)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(19.499.240.951)</b>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	21.234.353.401
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>18.111.480.582</b>

### 16. Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết trình bày khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu ("GIT") theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 411032000094 ngày 13 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã góp 32.119.400.000 VNĐ, tương đương 41% vốn cổ phần của GIT (31 tháng 12 năm 2010: 32.119.400.000 VNĐ, tương đương 41%).

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Biến động giá trị sở hữu của Công ty trong GII trong kỳ/năm như sau :

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số dư đầu kỳ/năm	36.342.527.936	32.456.115.903
Tăng trong kỳ/năm	-	3.419.400.000
Cổ tức được chia	2.401.477.479	4.194.401.822
Phân bổ cho các quỹ	(96.059.099)	(3.727.389.789)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>38.647.946.316</b>	<b>36.342.527.936</b>

### 17. Đầu tư dài hạn khác

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tên Lửa (a)	200.000.000	200.000.000
Đầu tư vào Công ty TNHH Hanel – CSF (b)	1.831.595.000	1.831.595.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF (c)	1.098.957.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm tại ngân hàng	4.692.368.098	4.878.911.644
	<b>7.822.920.098</b>	<b>6.910.506.644</b>

- (a) Khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty cổ phần Tên Lửa với số lượng cổ phiếu sở hữu là 20.000 cổ phiếu.
- (b) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Hanel -CSF với số tiền là 100.000 USD.
- (c) Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH – CSF, bên liên quan, với lãi suất 16,8% một năm trong 3 năm kể từ tháng 3 năm 2011.

### 18. Lợi thế thương mại

Nguyên giá	
Tăng trong kỳ và số dư cuối kỳ	3.374.772.030
Giá trị hao mòn lũy kế	
Hao mòn trong kỳ và số dư cuối kỳ	(84.369.301)
Giá trị còn lại	
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.290.402.729</b>

### 19. Tài sản dài hạn khác

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Đặt cọc tiền thuê	2.171.850.000	2.171.850.000
Đặt cọc tại ngân hàng để đảm bảo cho các hợp đồng kinh tế	187.293.747	237.811.879
Đặt cọc khác	228.073.500	221.810.000
	<b>2.587.217.247</b>	<b>2.631.471.879</b>



## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 20. Vay ngắn hạn

	30 June 2011	31 December 2010
Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Các khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà của Tổng Giám đốc và Giám đốc điều hành. Khoản vay này chịu lãi suất từ 7% đến 16,5% một năm (2010: 13% đến 13,8% một năm).	3.329.338.316	5.966.698.725
Khoản vay từ các cá nhân. Những khoản vay ngắn hạn này không phải đảm bảo và chịu lãi suất từ 14,8% đến 19,8% một năm (2010: 16,8% một năm)	2.610.384.000	438.943.000
	<b>5.939.722.316</b>	<b>6.405.641.725</b>

### 21. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.110.723.667	1.149.470.293
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	59.363.820	693.371.287
Thuế xuất nhập khẩu	8.127.979	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.885.018.737	5.939.244.232
Thuế thu nhập cá nhân	140.911.717	332.083.748
Thuế nhà thầu	-	51.315.790
	<b>5.204.145.920</b>	<b>8.165.485.350</b>

### 22. Chi phí phải trả

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Chi phí lãi vay	9.985.921	41.920.858
Chi phí vận chuyển, lắp đặt, nhân công trạm	2.034.261.535	1.564.153.115
Chi phí phải trả khác	141.843.945	-
	<b>2.186.091.401</b>	<b>1.588.073.973</b>

### 23. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Khoản vay phải trả các bên liên quan (*)	750.000.000	-
Phí nhượng quyền phải trả công ty mẹ	282.386.629	684.717.549
Tiền thuê đất từ bên liên quan	32.783.333	218.400.000
Phải trả khác	477.720.772	617.689.931
	<b>1.542.890.734</b>	<b>1.520.807.480</b>

(\*) Khoản vay các bên liên quan không phải đảm bảo và không chịu lãi suất.

# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 24. Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ/năm như sau:

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2010</b>	63.757.790.000	623.231.132	(225.341.132)	239.165.485	4.208.816.022	39.702.271.279	108.305.932.786
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	25.431.670.000	-	-	-	-	(25.431.670.000)	-
Tăng vốn góp bằng tiền mặt	3.175.000.000	5.460.127.000	-	-	-	-	8.635.127.000
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	-	31.939.786.797	31.939.786.797
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(15.577.170.400)	(15.577.170.400)
Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	32.640.000	(2.004.449.344)	(1.971.809.344)
Giảm khác	-	-	-	(1.549.936)	-	-	(1.549.936)
<b>Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	92.364.460.000	6.083.358.132	(225.341.132)	237.615.549	4.241.456.022	28.628.768.332	131.330.316.903
Lãi thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	15.327.254.280	15.327.254.280
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13.825.044.000)	(13.825.044.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(894.147.099)	(894.147.099)
Mua lại cổ phiếu	-	-	(60.784.000)	-	-	-	(60.784.000)
<b>Số dư, ngày 30 tháng 6 năm 2011</b>	92.364.460.000	6.083.358.132	(286.125.132)	237.615.549	4.241.456.022	29.236.831.513	131.877.596.084

Vốn cổ phần được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	30 tháng 6 năm 2011		31 tháng 12 năm 2010	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được phê duyệt</b>	9.236.446	92.364.460.000	9.236.446	92.364.460.000
<b>Cổ phiếu phổ thông đã phát hành</b>	9.236.446	92.364.460.000	9.236.446	92.364.460.000
<b>Mua lại cổ phiếu phổ thông đã phát hành</b>	(19.750)	(286.125.132)	17.750	(225.341.132)
<b>Số cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành</b>	9.216.696	92.166.960.000	9.218.696	92.186.960.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

## 25. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số dư đầu kỳ/năm	7.868.454.313	5.514.189.984
Lãi thuần trong kỳ/năm	1.496.817.478	3.236.264.329
Cổ tức được chia	(784.000.000)	(784.000.000)
Trích lập các quỹ	-	(98.000.000)
Khác	(763.070)	-
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>8.580.508.721</b>	<b>7.868.454.313</b>



## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 26. Doanh thu

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Doanh thu bán hàng hóa	54.176.613.078	46.068.193.419
Doanh thu bán thành phẩm	12.207.186.539	5.517.637.418
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	14.164.829.452	12.831.117.170
Doanh thu cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	3.933.591.006	16.667.789.880
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>84.482.220.075</b>	<b>81.084.737.887</b>
Khoản giảm trừ doanh thu – Hàng bán bị trả lại	(8.736.000)	(5.389.405)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>84.473.484.075</b>	<b>81.079.348.482</b>

### 27. Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Giá vốn hàng hóa	39.595.162.378	33.420.229.231
Giá vốn thành phẩm	5.532.688.750	1.525.590.136
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	7.544.191.794	6.249.954.016
Giá vốn cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	2.967.359.651	8.928.205.279
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	224.839.916
	<b>55.639.402.573</b>	<b>50.348.818.578</b>

### 28. Doanh thu tài chính

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Lãi ngân hàng	92.388.688	148.318.878
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	607.870.962	400.346.289
Lãi cho vay	217.507.211	323.937.706
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	692.646.950	31.794.577
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	24.957.516	168.264.152
	<b>1.635.371.327</b>	<b>1.072.661.602</b>

### 29. Chi phí tài chính

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Chi phí lãi vay	408.296.957	840.794.772
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	512.304.872	905.939.257
	<b>920.601.829</b>	<b>1.746.734.029</b>

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động sản xuất sản phẩm và thiết bị được sử dụng trong lĩnh vực viễn thông cho hai năm từ năm đầu tiên phát sinh lợi nhuận chịu thuế (2008) và được giảm 50% thuế TNDN cho ba năm tiếp theo.

#### Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí thuế TNDN trong kỳ được tính như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	3.685.091.299	4.131.264.729
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Các khoản chênh lệch tạm thời	149.797.998	-
	<b>3.834.889.297</b>	<b>4.131.264.729</b>

Việc tính thuế TNDN hiện hành còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của các cơ quan thuế.

#### Đối chiếu thuế suất thực tế

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011		Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.658.961.055	%	20.413.154.851	%
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	5.164.740.264	25%	5.103.288.713	25%
Ưu đãi thuế	(757.996.948)	(4%)	(464.520.677)	(3%)
Thu nhập cổ tức từ công ty liên kết	(600.369.370)	(3%)	(507.502.307)	(3%)
Chi phí không được trừ từ phân bổ lợi thể thương mại	21.092.325	-	-	-
Tài sản thuế hoãn lại trên khoản chênh lệch tạm thời không ghi nhận	7.423.026	-	-	-
	<b>3.834.889.297</b>	<b>18%</b>	<b>4.131.265.729</b>	<b>19%</b>

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu sau được công ty ghi nhận và tình hình biến động trong kỳ như sau:

	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	117.918.239	(117.918.239)	-
Trích trước chi phí lắp đặt	19.573.389	(7.566.480)	12.006.909
Chi phí bảo hành phải trả	50.555.739	(2.325.352)	48.230.387
Khác	21.987.927	(21.987.927)	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>210.035.294</b>	<b>(149.797.998)</b>	<b>60.237.296</b>



## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 31. Lãi trên cơ bản cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 được dựa trên lợi nhuận phân phối cho các cổ đông là 15.242.884.979 VNĐ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010: 15.699.632.288 VNĐ) và số lượng trung bình của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 9.216.829 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010: 8.901.196 cổ phiếu). Thu nhập trên mỗi cổ phần được tính như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
<b>Lãi thuần phân phối cho cổ đông</b>	<b>15.327.254.280</b>	<b>15.699.632.288</b>
<b>Số lượng trung bình cổ phiếu phổ thông</b>		
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	9.218.696	6.358.029
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành thêm	-	2.543.167
Mua lại cổ phiếu quỹ	(1.867)	-
<b>Số lượng trung bình cổ phiếu phổ thông trong kỳ</b>	<b>9.216.829</b>	<b>8.901.196</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.663</b>	<b>1.764</b>

### 32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Hội đồng quản trị	Tạm ứng	-	41.113.636
	Vay	-	(3.250.000.000)
	Chi phí lãi vay	-	(58.610.985)
Ban Giám đốc	Chi phí lãi vay	-	(23.650.000)
	Tạm ứng	138.707.000	109.084.000

Số dư công nợ của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Bên liên quan	Bản chất số dư	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
<b>Các khoản phải thu</b>			
Hội đồng Quản trị	Phải thu phi thương mại	-	36.650.044
Ban Giám đốc	Phải thu phi thương mại	78.760.267	26.761.798
<b>Các khoản phải trả</b>			
Hội đồng Quản trị	Phải trả phi thương mại	-	37.635.542
Ban Giám đốc	Phải trả phi thương mại	20.940.100	-

Thu nhập của Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
<b>Tiền lương và các khoản thu nhập khác</b>	<b>918.500.000</b>	<b>866.500.000</b>

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các giao dịch chủ yếu của các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất nghiệp vụ	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Công ty Cổ phần công nghệ Tiên Phong	Nhà đầu tư	Bán hàng hóa và thành phẩm	1.443.039.622	1.699.380.483
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(346.820.649)
		Phí nhượng quyền và chi phí tiện ích khác	(775.066.000)	(1.067.970.815)
		Quỹ phúc lợi phải trả	(364.077.000)	-
		Cổ tức đã chi trả	(5.906.173.500)	(2.741.035.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu ("GIT")	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và thành phẩm	3.952.210.492	10.296.226.680
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(62.554.357)	(373.494.239)
		Cho vay	1.400.000.000	13.500.000.000
		Chi hộ chi phí	(366.600.000)	(537.627.368)
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	Bên liên quan	Cho vay	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin Thông	Bên liên quan	Cho vay	1.000.000.000	1.500.000.000
		Tạm ứng cho hoạt động	750.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	375.728.813	250.667.880
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(959.447.077)	(1.022.051.699)
		Cho vay	2.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vạn	Bên liên quan	Cho vay	-	910.000.000



## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trong số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng và phải trả khác có các số dư nội bộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
<b>Các khoản phải thu</b>				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Nhà đầu tư	Phải thu thương mại	1.059.325.977	-
		Phải thu phi thương mại	10.867.152.800	5.782.706.940
Công ty TNHH Đầu tư Hạ Tầng Toàn Cầu ("GIT")	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	5.561.652.593	10.509.287.886
		Phải thu phi thương mại	29.683.300	219.918.750
Công ty Cổ phần Công nghệ tự động Tân Tiến	Bên liên quan	Phải thu thương mại	141.960.000	113.681.100
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Bên liên quan	Phải thu thương mại	-	436.262.112
		Phải thu phi thương mại	750.000.000	8.771.479
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Phải thu thương mại	-	515.347.170
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải thu thương mại	137.545.824	64.607.400
		Phải thu phi thương mại	-	886.050
Công ty Cổ phần Thiết Bị Điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	-	856.000
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	-	5.863.000
Công ty TNHH Hanel – CSF	Bên liên quan	Phải thu thương mại	888.259.299	4.272.255.116
		Phải thu phi thương mại	46.669.041	-

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
<b>Các khoản phải trả</b>				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Nhà đầu tư	Phải trả thương mại	-	68.315.626
		Phải trả phi thương mại	959.857.562	1.626.307.427
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Toàn Cầu ("GIT")	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	227.008.173	998.163.938
		Phải trả phi thương mại	-	212.335.198
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Phải trả thương mại	-	34.471.795
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải trả thương mại	216.122.334	117.398.854
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	-	929.775
Công ty Cổ phần Tên Lửa	Bên liên quan	Phải trả thương mại	-	260.789.936

### 33. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong kỳ như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Chi phí hàng hóa xuất bán	39.595.162.378	33.420.229.231
Chi phí công nhân viên	7.710.157.796	7.004.027.439
Chi phí vật liệu	4.769.326.812	1.312.007.517
Thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm	234.579.984	600.398.982
Chi phí khấu hao	3.520.878.057	3.368.927.879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.639.078.158	5.458.776.076
Chi phí khác	5.128.091.598	3.866.594.401

Người lập:

PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 12 tháng 8 năm 2011



Người phê duyệt:

NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc